

"PHONG" NGUYỄN TRÃI LÀM CÔNG THẦN ĐỆ NHẤT VỀ VĂN, TRẦN TRỌNG KIM ĐÃ CỖ TÌNH VIẾT SAI LỊCH SỬ NHÀ LÊ

- Lê Anh Chí

Rất nhiều người, mỗi khi nói về Lê Thái tổ, là họ mạt sát thậm tệ, mặc dù họ chẳng biết gì nhiều về sử nước ta. Nguyên do chính là vì họ tin lời Trần Trọng Kim trong "Việt Nam Sử Lược": lầm tưởng rằng Nguyễn Trãi và Trần Nguyên Hãn là đại công thần nhà Lê, lầm tưởng rằng họ bị vu oan, bị giết hại. Không những thế, Trần Trọng Kim còn có những lời phê có mục đích gieo vào lòng độc giả lòng oán hận (sâu xa) vua Lê Thái tổ, và họ tin những lời phê này của Trần Trọng Kim. Mấu chốt căn bản của sự việc là: Trần Trọng Kim đã ngang nhiên "phong" Nguyễn Trãi làm công thần đệ nhất về văn, trong khi Nguyễn Trãi là công thần bậc thấp.

Trần Trọng Kim trong "Việt Nam Sử Lược" viết rằng sau khi lên ngôi, vua Lê Thái tổ phong thưởng cho các công thần, "bên văn thì Nguyễn Trãi đứng đầu, bên võ thì..." Sai, hoàn toàn sai! Chỉ cần đọc sơ qua "Đại Việt Sử Ký Toàn Thư", ta thấy rằng: văn ban đệ nhất công thần là Lê Văn Linh, đệ nhị là Bùi Quốc Hưng, đệ tam là Nguyễn Nhữ Lãm; ba vị này làm văn quan cao cấp nhất, chánh phó Văn thừa tướng (Văn thừa tướng còn kém chức nguyên soái). Chức vị của ba vị này là chức nhất nhì của quan văn, là trọng chức đại thần, cao hơn chức Hành khiển, thượng thư của Nguyễn Trãi. Nguyễn Trãi là công thần bậc thấp, hàng thứ 80-93, được phong Quan Phục hầu, là tước hầu áp chót; nếu ta đếm số hầu tước trước Quan Phục hầu, ta thấy rằng Nguyễn Trãi xếp hạng thứ 80-93.

Nguyễn Trãi là công thần bậc thấp, đây là điều dễ hiểu, vì Nguyễn Trãi đến đầu quân năm 1423, trong khi vua Lê khởi binh năm 1418, nên Nguyễn Trãi có công lao rất ít trong cuộc khởi nghĩa.

Trong bảng biển ngạch công thần của "Đại Việt Sử ký Toàn Thư", có ghi Lê Trãi là công thần thứ 37. Và Nghĩa quân Lam Sơn có một người tên là Trần Trãi. Ông này đầu quân trước Nguyễn Trãi, có thể có mặt ngay từ đầu, từ hội thề Lũng Nhai. Vì lý do được mang quốc tính nên hai ông Trần Trãi, Nguyễn Trãi, đều gọi là Lê Trãi. Do đó, có thể Trần Trãi là công thần thứ 37, và Nguyễn Trãi là thứ... 80, có khi thấp hơn. Bảng biển ngạch công thần được khắc vào năm 1429, và công thần thứ 37 là tước Á hầu. Nguyễn Trãi được phong làm Quan Phục hầu năm 1428. Á hầu hơn Quan Phục hầu hai bậc, nếu Nguyễn Trãi là công thần thứ 37 thì chỉ sau một năm ông được thăng 2 bậc, rất vô lý (vì Lê Thái Tổ có lệ thăng chức tước hoặc gia phong cho các công thần, nhưng 3 năm mới gia phong một lần, nếu sau một năm mà thăng 2 bậc thì quá lạ, e rằng sẽ hết tước để phong). Và lại, đây chỉ là khắc bảng biển ngạch công thần, không phải là phong thưởng. Tước của công thần đều đã có sẵn, chỉ khắc thôi. Do đó công thần thứ 37 Lê Trãi kia có lẽ là Trần Trãi, và ta phải tìm hạng của Nguyễn Trãi trong những người tước Quan Phục hầu.

Á hầu 26 người là bọn Lê Lạn, Lê Trãi. Quan Nội hầu 16 người là bọn Lê Thiệt, Lê Chương. Quan Phục hầu 16 người là bọn Lê Cuống, Lê Dao. Thượng trí tự, Trước Phục

hầu 4 người là bọn Lê Khắc Phục, Lê Hải. Vì trên Á hầu có 35 người, cho nên trên Quan Phục hầu là $35 + 26 + 16 = 77$ người; do đó Lê Cuống, Lê Dao là công thần thứ 78, 79; và ông Nguyễn Trãi giỏi lắm là công thần thứ 80. Vì ông là công thần bậc thấp, cho nên đây là một bằng chứng là ông đã giữ chức vụ khá thấp so với các công thần khai quốc.

"Nhập nội Hành khiển" là như thế nào? Nhập nội Hành khiển là chức vụ tín cẩn, là vị quan thân tín của vua. Vì Nhập nội Hành khiển viết "diễn văn" cho vua, hầu hết các văn kiện mật đều qua tay Nhập nội Hành khiển.

Trích "Đại Việt Sử Ký Toàn Thư": "[năm 1427] Bấy giờ, vua dựng lầu nhiều tầng ở dinh Bồ Đề trên bờ sông Lô (khi ấy, có hai cây bồ đề ở trong dinh, nên gọi là dinh Bồ Đề), cao bằng tháp Báo Thiên, hằng ngày vua ngự trên lầu nhìn vào thành để quan sát mọi hành vi của giặc, cho Trãi ngồi hầu ở tầng hai, nhận lệnh soạn thảo thư từ qua lại".

Đoạn văn trên nói rõ ràng danh phận của Nguyễn Trãi: Nguyễn Trãi chẳng phải là quân sư, cũng chẳng phải là cố vấn quan trọng, chỉ theo lệnh mà soạn thảo thư từ qua lại (lầu nhiều tầng và Nguyễn Trãi ở tầng hai). Và nhà vua tự mình ngự ở tầng cao nhất (ngang với tháp Báo Thiên) mà xem xét động tĩnh của địch. So với Lê Văn Linh văn ban đệ nhất công thần thì Nguyễn Trãi có chức Nhập nội Hành khiển, ở dưới ba bậc. Lê Văn Linh là Nhập nội Thiếu phó, từ Nhập nội Hành khiển lên Nhập nội Thiếu phó phải qua hai bậc là Nhập nội Thiếu úy và Nhập nội Thiếu bảo. Mà Lê Văn Linh so với Lưu Nhân Chú (võ tướng) thì chức vụ Lê Văn Linh còn dưới hai bậc: Thuận Thiên năm đầu (1428), Lưu Nhân Chú được phong làm Nguyên soái kiêm Tế tướng.

Thuận Thiên năm đầu (1428), Nguyễn Trãi được phong làm Quan Phục hầu. Đây là tước hầu áp chót. Các tước hầu mà Lê Thái tổ phong cho các công thần là: 1) Huyện Thượng hầu; 2) Á Thượng hầu; 3) Hương Thượng hầu; 4) Đình Thượng hầu; 5) Huyện hầu; 6) Á hầu; 7) Quan Nội hầu; 8) Quan Phục hầu; 9) Trước Phục hầu. Năm 1407, nhà Hồ thất trận thảm thương, vua quan nhà Hồ hầu hết đều bị bắt. Nguyễn Trãi không bị bắt, nhưng rồi phải ra đầu thú, để cứu mạng cha là Nguyễn Phi Khanh. Trương Phụ định giết Nguyễn Trãi, nhưng Hoàng Phúc cứu mạng được Nguyễn Trãi (tương truyền Hoàng Phúc nhìn thấy tướng Nguyễn Trãi có vẻ tốt đẹp sao đó, nên muốn cứu mạng).

Sau đó, sách sử nước ta thường cho rằng Nguyễn Trãi bị giam lỏng ở Đông Quan. Sự kiện này có vẻ rất vô lý:

- Tại sao Nguyễn Trãi bị giam lỏng mà không bị giam thiết?

- Tại sao chỉ một mình Nguyễn Trãi bị giam lỏng, trong khi mọi người của vua quan nhà Hồ bị giải về Kim Lăng?

Sự thực thì Hoàng Phúc cứu mạng được Nguyễn Trãi, nhưng phải giải Nguyễn Trãi về Tàu - vì đó là lệnh vua, nhất là người quyết định là Trương Phụ. Về đến kinh đô nhà Minh, Nguyễn Trãi được vua Minh tha, như phần lớn các quan nhà Hồ. Tuy nhiên ở giai đoạn đầu, mỗi người bị chỉ định chỗ định cư, và không hoàn toàn tự do, phải ở trong những trại tị nạn (Khi giặc Minh thôn tính nước ta năm 1407,

có bắt rất nhiều người dân Việt giải về Tàu. Trong giai đoạn đầu họ tất không có nhà để ở, chỉ ở trong trại, trại tị nạn, căng lều mà ở). Thời gian đầu, Nguyễn Trãi ở trại tị nạn ở Nam Kinh. Bằng chứng thời gian đầu, Nguyễn Trãi ở trại tị nạn ở Nam Kinh là bài thơ rất nổi tiếng của Nguyễn Trãi:

*Góc thành Nam, lều một căn,
No nước uống, thiếu cơm ăn.
Con đòi trốn, đường ai quẩn,
Bà ngựa gầy, thiếu kẻ chăn.
Ao bới hạp hoi khôn thả cá,
Nhà quen thú thúá ngại nuôi vắn
Triều quan chẳng phải, ẩn chẳng phải,
Góc thành Nam, lều một căn.*

Phân tích bài thơ:

Câu "Góc thành Nam, lều một căn". "Góc thành Nam", Nam đây là Nam Kinh. Văn học sử ta thường cho là địa điểm Nguyễn Trãi làm bài thơ là Đông Quan; không đúng, nếu là Đông Quan, thì câu thơ phải là "Góc thành Đông" chứ! "Lều một căn": chữ "lều" cho thấy là Nguyễn Trãi đang ở trại tị nạn; và đây là cách duy nhất để giải thích chữ "lều" này; vì Đại Việt ta và Tàu có bao giờ ở "lều" đâu! Những câu sau (từ câu 2 đến 6), nói đời sống chật vật ở trại tị nạn.

"Triều quan chẳng phải, ẩn chẳng phải". "Triều quan chẳng phải", nếu ra làm quan cho nhà Minh thì không nên (Nguyễn Trãi đậu tiến sĩ, nên bị dụ ra làm quan như Hồ Nguyên Trừng có tài nên vua Minh phong quan); "ẩn chẳng phải", lúc đó Nguyễn Trãi còn trẻ, nên khó lòng cho rằng "ẩn" là phải. Câu này cho thấy là Nguyễn Trãi có một sự chọn lựa. Còn nếu bị giam ở Đông Quan thì đâu có chọn lựa, đâu thể "ẩn"? Câu này còn cho thấy rằng Nguyễn Trãi đã được tha, chớ không bị giam. Nguyễn Trãi từ biệt cha ở Nam Kinh, chớ chẳng phải Nam Quan. Nguyễn Trãi được vua Minh tha, như phần lớn các quan nhà Hồ. Còn cha Nguyễn Trãi, là Nguyễn Phi Khanh thì sao? Ta có thể đoán rằng:

1) Nguyễn Phi Khanh như phần lớn các quan nhà Hồ, được tha, được định cư bên Tàu.

2) Nguyễn Phi Khanh bị đi đày, theo Hồ Quý Ly xuống Quảng Tây chẳng hạn. Trong cả hai trường hợp, ít nhất trong giai đoạn đầu (5 năm?), vua Minh không cho hai cha con ở cùng chỗ, e rằng hai người, làm quan lớn cho nhà Hồ, có thể rù rì, tính chuyện làm loạn. Và lại, không cho hai cha con ở cùng chỗ, là một cách để khống chế Nguyễn Trãi, Nguyễn Trãi không biết cha yên ấm ra sao, tất không dám vọng động. Thế là tập đoàn vua quan nhà Hồ đi về phương Nam, đến Nam Kinh thì Nguyễn Trãi phải dừng lại. Quyển luyến cha, Nguyễn Trãi dùng dằng không muốn ở lại; do đó, mới có cảnh biệt ly ướn át, mà sử sách ta bảo là ở Nam Quan.

Nhưng Nguyễn Trãi từ biệt cha ở Nam Kinh, Nam Kinh chớ chẳng phải Nam Quan, bởi vì:

- Chữ "đất khách" trong thơ Nguyễn Trãi: Nguyễn Trãi còn để lại rất nhiều thơ. Chữ "đất khách" ("Khách lý") hiện diện nhiều lần trong thơ Nguyễn Trãi. Đây là một bằng chứng rằng Nguyễn Trãi là Việt kiều lưu vong bên Tàu.

- Nguyễn Trãi có nhiều bài thơ vịnh phong cảnh Tàu. Thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi có nhiều bài thơ vịnh phong cảnh Tàu.

Sau một thời gian bị bắt buộc phải ở Nam Kinh, Nguyễn Trãi được tự do, có thể ngao du sơn thủy. Nguyễn Trãi có điều kiện để đi du lịch không? Chắc là có:

- Khi được tha, Nguyễn Trãi được trả lại một số tiền ông đã mang theo từ Đại Việt; Nguyễn Trãi làm quan lớn 7 năm, nên cũng có chút tiền;

- Cuộc sống trại tị nạn dần dần dễ chịu, vì Nguyễn Trãi đỗ tiến sĩ, dân Giao Chỉ có kiện cáo gì tất nhờ đến tài văn chương của ông;

- Khi cuộc sống bắt đầu được ổn định, nhiều người dân Giao Chỉ tất nhờ Nguyễn Trãi dạy chữ cho con cái họ.

Một điều kiện để Nguyễn Trãi về nước: Nguyễn Phi Khanh tạ thế. Khi cha Nguyễn Trãi còn sống, Nguyễn Trãi tất không thể để cha mình ở lại bên Tàu mà ra đi. Nguyễn Phi Khanh năm 1408 bao nhiêu tuổi? Ta không biết năm sinh của Nguyễn Phi Khanh, nhưng biết ông đậu tiến sĩ năm 1374. Vì lẽ trung bình người ta đậu tiến sĩ năm 30 tuổi, ta có thể đoán rằng vào năm 1408, Nguyễn Phi Khanh vào khoảng 64 tuổi. Tạm cho rằng Nguyễn Phi Khanh có thể sống được 75 năm, ta đoán rằng Nguyễn Phi Khanh chết vào năm 1419 hoặc trước đó. Do đó, Nguyễn Trãi có thể về nước vào năm 1421/ 1422/ 1423 sau đại thắng Thi Lang, đại thắng Sách Khôi của vua Lê Thái tổ.

Có một điều kiện khác để Nguyễn Trãi về nước: về nước để làm gì? Bởi lẽ nếu về để sống dưới ách đô hộ của Tàu, thì sống bên Tàu sướng hơn. Vừa may, vào cuối năm 1420 có trận đại thắng Thi Lang của vua Lê Thái tổ. Trận đại thắng này Lý Bân, Trần Trí, vì sợ tội nên giấu Minh triều, nhưng dân Giao Chỉ ta bên Tàu thì biết. Thế là mọi người háo hức tìm hiểu thêm về vị anh hùng Bình Định vương, làm thế nào người đó lại có thể thắng được hơn 10 vạn quân Minh? Ta có thể nói rằng Nguyễn Trãi về nước sớm nhất là vào năm 1421 sau đại thắng Thi Lang của vua Lê Thái tổ. Nếu Nguyễn Trãi về nước năm 1421/ 1422 thì cũng chẳng thể vào Lỗi Giang, vì lẽ ở nơi đó chiến tranh liên miên, vả lại từ Ninh Bình không có đường vào (quân Minh tất kiểm soát những con đường từ Ninh Bình đến Lỗi Giang). Mãi đến năm 1423, sau đại thắng Sách Khôi của vua Lê Thái tổ, vua ta mở được một thông lộ ra Ninh Bình (vì Sách Khôi gần biên giới Ninh Bình), Nguyễn Trãi mới có thể vào yết kiến vua Lê Thái tổ.

Nhiều người nói rằng Nguyễn Trãi đầu quân, dâng "Bình Ngô sách" và xem đó là bằng chứng cho tài kinh bang tế thế của Nguyễn Trãi. Sự thực thì "Bình Ngô sách" chỉ là lý thuyết. Văn nhân xưa nay thì viết nhiều về kinh bang tế thế, nhưng mấy ai có tài tế thế kinh bang? Cao Bá Quát làm quân sư mấy tháng đã bị bắt sống, Mã Thốc làu thuộc binh thư mà thất thủ Nhai Đình và bị tội phải chém đầu.

Vả lại, sử dẫu có chép rằng "Bình Ngô sách" có giá trị? Không những thế, không biết rằng "Bình Ngô sách" có thực hay chẳng? Xét về lý thuyết sách lược thì Nguyễn Tử Hoan giỏi hơn. Năm 1427, Nguyễn Tử Hoan viết sách lược dâng lên, được Thái tổ phong làm quân sư.

Sau khi lộng quyền, giết vua, hại tôn thất nhà Trần (trừ con cháu Trần Nguyên Đán), Hồ Quý Ly lên ngôi vua năm 1400. Nguyễn Trãi đỗ tiến sĩ năm 1400 và làm quan đến chức Ngự sử đài Chánh chương cho nhà Hồ. Năm 1407, nhà Minh sang đánh và diệt nhà Hồ dễ dàng, cả triều đình nhà Hồ hầu hết đều bị bắt. Không những thế, không thấy Nguyễn Trãi đưa ra mưu kế gì khả dĩ có thể vớt vát chút đỉnh tình thế.

Nguyễn Trãi đỗ tiến sĩ nhà Hồ (năm 1400) và làm quan đến chức Ngự sử đài Chánh chương. Người nước ta lúc đó rất căm giận nhà Hồ, xem Hồ Quý Ly là nghịch thần. Việc này chứng tỏ rằng Nguyễn Trãi chỉ là một thư sinh đi lập công danh. Nguyễn Trãi cũng chẳng phải là một anh hùng vì dân vì nước, khác hẳn với chí khí của vua Lê Thái tổ: "Trượng phu sinh ra đời phải cứu nạn lớn, lập công to", phải có khí phách anh hùng thì mới có thể có tài kinh bang tế thế. Xét về khí tiết, thì Nguyễn Trãi kém hơn Lê Văn Linh, Bùi Quốc Hưng. Hai vị này không ứng thí và làm quan cho nhà Hồ. Nguyễn Trãi còn kém hơn Lý Tử Tấn, đỗ tiến sĩ cùng khóa nhưng không làm quan cho nhà Hồ (sau đó, Lý Tử Tấn có tham gia khởi nghĩa Lam Sơn, sau Nguyễn Trãi mấy năm).

Nguyễn Trãi xác định là: ông giữ việc văn thư cho vua Lê. Nhiệm vụ này được chính thức xác định là Nhập nội Hành khiển (năm 1427). Nguyễn Trãi chẳng phải là quân sư, chỉ phụ trách viết "diễn văn" cho vua, chưa hề điều binh khiển tướng, địa vị còn thấp hơn rất nhiều võ tướng. Nguyễn Trãi viết "diễn văn" cho vua vì văn hay và vì đoán được ý của vua. Có thể nói Nguyễn Trãi là tri kỷ của vua; Nhập nội Hành khiển xưa nay thường là vậy: tri kỷ của vua.

Nguyễn Trãi cũng tự nhận không có tài kinh bang tế thế, trong văn thơ của ông, rõ nhất trong bài "Trần Tình I", đăng trong trang 719, Nguyễn Trãi toàn tập, tập 3:

Trần Tình I

Từ ngày gặp hội phong vân

Bổ báo chưa hề đặt mổ phân

Gánh, khôn đương quyền tướng phủ

Lui, ngộ được đất nho thần

Ước bề trả ơn minh chúa,

Hết khỏe phù đạo thánh nhân

Quốc phú binh cường chẳng có chước

Bằng tôi nào thừa ích chước dân

Câu 3: "Gánh, khôn đương quyền tướng phủ", câu này Nguyễn Trãi tự nhận không có tài đảm đương quyền Tế tướng, cũng có nghĩa rằng Nguyễn Trãi cũng tự nhận không có tài thao lược: ở nước ta, quyền Tế tướng phải ở trong tay võ tướng, trong tay người có tài quân sự (ngược lại, bên Tàu, Tế tướng có thể ở trong tay văn nhân,

trong tay người không có tài quân sự). Hầu hết các triều đại ở nước ta đều trọng võ hơn văn (chỉ có nhà Nguyễn là trọng văn khinh võ), quyền Tể tướng thường do võ tướng chấp chưởng.

Câu 4: "Lui, ngõ được đất nho thần", Nguyễn Trãi tự nhận rằng ông chỉ là một nho thần.

Câu 5: "Ước bề trả ơn minh chúa", Nguyễn Trãi ước ao có thể đền đáp ơn vua (Lê Thái tổ). Nguyễn Trãi thường nói điều này trong thơ văn, xem cuộc gặp gỡ với vua Lê Thái tổ là hội phong vân, nói rằng ông chưa đền đáp được ơn vua, một lòng kính ngưỡng Thái tổ (do đó, đạo quân thần của vua tôi nhà Lê thời Thái tổ rất là tốt đẹp). Nguyễn Trãi ước ao có thể đền đáp ơn vua, có nghĩa là ông cho rằng ông chưa thể hiện được tài năng xứng với sự tín nhiệm của vua, xứng với tước Hầu được vua phong.

Câu 7: "Quốc phú binh cường chẳng có chước", Nguyễn Trãi tự nhận chẳng có mưu chước gì làm cho nước giàu binh mạnh.

Nguyễn Trãi tự nhận chẳng có tài kinh bang tế thế, không có tài năng quân sự, "như tôi nào có ích gì cho dân". Ta thấy rằng Nguyễn Trãi là người thành thật, tự biết mình. Nguyễn Trãi cũng chưa từng được cầm quân đánh một trận nào, ngược lại với Lê Văn Linh, Bùi Quốc Hưng. Văn nhân nước ta xưa nay, thường chẳng cầm quân; trước thời vua Lê Thái tổ hầu như chẳng có văn nhân nào cầm quân đánh trận, Lê Văn Linh và Bùi Quốc Hưng có lẽ là hai vị văn nhân đầu tiên vừa làm tướng văn, vừa làm tướng võ!

Sách tham khảo:

- Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, sử quan đời Trần và Lê Trịnh;
- Đại Việt Thông Sử, Lê Quý Đôn;
- Lam Sơn Thực Lục, Nguyễn Trãi viết theo lời kể của vua Lê Thái tổ (bị sửa đổi);
- Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục, sử quan triều Nguyễn;
- Hoàng Lê nhất thống chí, Ngô gia văn phái;
- Lịch triều hiến chương loại chí, Phan Huy Chú;
- Việt Nam Sử Lược, Trần Trọng Kim;
- Các nhà khoa bảng Việt Nam, chủ biên Ngô Đức Thọ;
- Việt Nam Văn Học Sử Yếu, Dương Quảng Hàm;

Nguồn: leanhchi.com/index.html